

Bản án số: 295/2022/DS-ST
Ngày 27 - 9 - 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ
2. Ông Nguyễn Đình Thọ
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. QN.
- Đại diện VKSND Tp. QN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố QN - tỉnh BĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2022/QĐXXST-DS ngày 23/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị Y, sinh năm: 1968
Nơi cư trú: Tổ 61, KV7, P. QT, TP. QN, tỉnh BĐ.
Đại diện theo ủy quyền của chị Y là anh Huỳnh Duy T, sinh năm: 1983; nơi cư trú: 128/3/6 H, TP. QN, tỉnh BĐ (Theo Hợp đồng ủy quyền số 00059 ngày 15/6/2022) (có mặt).
2. *Bị đơn:* - Anh Trương Văn T, sinh năm: 1971
- Chị Trần Thị Mộng H, sinh năm: 1982
Cùng nơi cư trú: 14 K, TP. QN, tỉnh BĐ. (vắng mặt)
3. *Người làm chứng:*
- Chị Sử Thị Bích H1, sinh năm: 1977
Nơi cư trú: 61/3 N, TP. QN, tỉnh BĐ.
- Chị Châu Thị T, sinh năm: 1973
Nơi cư trú: Tổ 61, KV7, P. QT, TP. QN, tỉnh BĐ.
(Những người làm chứng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Châu Thị Y là anh Huỳnh Duy T trình bày:*

Giữa chị Châu Thị Y và vợ chồng anh Trương Văn T, chị Trần Thị Mộng H có quan hệ quen biết nên từ ngày 17/12/2014 (nhằm ngày 05/02/2015 Dương lịch) đến ngày 15/02/2019 (nhằm ngày 20/3/2019 Dương lịch) chị Y có cho vợ chồng anh T, chị H vay nhiều lần với số tiền là 1.325.000.000 đồng, cụ thể từng lần vay như sau:

- Lần 1: Ngày 17/12/2014 (nhằm ngày 05/02/2015 Dương lịch) vay 50.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 13/01/2015 (nhằm ngày 03/3/2015 Dương lịch) vay 30.000.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 25/02/2015 (nhằm ngày 13/4/2015 Dương lịch) vay 15.000.000 đồng;
- Lần 4: Ngày 05/11/2017 (nhằm ngày 22/12/2017 Dương lịch) vay 250.000.000 đồng;
- Lần 5: Ngày 28/4/2018 (nhằm ngày 14/6/2018 Dương lịch) vay 100.000.000 đồng;
- Lần 6: Ngày 29/8/2018 (nhằm ngày 08/10/2018 Dương lịch) vay 260.000.000 đồng;
- Lần 7: Ngày 07/9/2018 (nhằm ngày 15/10/2018 Dương lịch) vay 50.000.000 đồng;
- Lần 8: Ngày 08/9/2018 (nhằm ngày 16/10/2018 Dương lịch) vay 100.000.000 đồng;
- Lần 9: Ngày 08/10/2018 (nhằm ngày 14/11/2018 Dương lịch) chị Hòa vay 100.000.000 đồng;
- Lần 10: Ngày 15/11/2018 (nhằm ngày 21/12/2018 Dương lịch) vay 240.000.000 đồng;
- Lần 11: Ngày 15/02/2019 (nhằm ngày 20/3/2019 Dương lịch) vay 130.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền; lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; mục đích vay là để vợ chồng anh T, chị H làm ăn; hai bên thỏa thuận thời hạn trả đối với lần vay thứ 1 là 2 tháng, đối với lần vay thứ 2 là 3 tháng, đối với lần vay thứ 10 là 12 tháng trả kể từ ngày vay, còn lại các lần vay khác không xác định thời hạn. Tuy nhiên, sau đó hai bên thỏa thuận lại khi nào chị H, anh T có tiền thì sẽ trả gốc, còn tiền lãi vẫn trả hàng tháng.

Từ ngày vay đến nay, đối với lần vay thứ 1, thứ 2, thứ 3 và thứ 4 chị H và anh T đã trả được 03 tháng tiền lãi; đối với khoản vay thứ 5, thứ 6, thứ 7 và thứ 11 đã trả được 02 tháng tiền lãi; đối với khoản vay thứ 8, thứ 10 đã trả 01 tháng tiền lãi; đối với khoản vay thứ 9 chị H và anh T chưa trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, chị Y yêu cầu anh T, chị H trả số tiền 1.325.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu trả tiền lãi chậm trả số tiền 1.230.000 đồng (từ khoản vay thứ 4 đến khoản vay thứ 11) từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử vụ án, không yêu cầu trả lãi số

tiền 95.000.000 đồng (từ khoản vay thứ 1 đến khoản vay thứ 3). Đồng thời, chị Y rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chị H mượn trả góp là 530.000.000 đồng và tiền hụi chị H còn nợ là 130.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Trương Văn T và chị Trần Thị Mộng H:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh chị cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. QN, tỉnh BD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 BLDS 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y; buộc vợ chồng anh T và chị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Y số tiền 1.325.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 1.230.000 đồng kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: vợ chồng anh Trương Văn T và chị Trần Thị Mộng H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 229 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Châu Thị Y cho vợ chồng anh Trương Văn T và chị Trần Thị Mộng H vay 11 đợt tiền, với tổng số tiền 1.325.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền. Theo bà Y, khi vay hai bên thỏa thuận miêng Lãi suất 2%/tháng; mục đích vay: Để anh T, chị H làm ăn; hai bên thỏa thuận khi nào có tiền thì chị H, anh T sẽ trả gốc, còn tiền lãi vẫn trả hàng tháng. Từ ngày vay đến nay, đối với lần vay thứ 1, thứ 2, thứ 3 và thứ 4 chị H, anh T đã trả được 03 tháng tiền lãi; đối với khoản vay thứ 5, thứ 6, thứ 7 và thứ 11 chị H, anh T đã trả 02 tháng tiền lãi; đối với khoản vay thứ 8, thứ 10 chị H, anh T đã trả 01 tháng tiền lãi; đối với khoản vay thứ 9 chị H, anh T chưa trả tiền lãi. Bà Y đã nhiều lần yêu cầu trả nợ gốc, lãi nhưng anh T, chị H vẫn không trả. Vì vậy, bà Y đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 BLDS. Đến kỳ hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không trả là vi phạm hợp đồng. Nay bà Y yêu cầu anh T, chị H phải có trách nhiệm trả tiền gốc 1.325.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên Tòa chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả lãi từ khoản vay thứ 1 đến khoản vay thứ 3, tổng tiền gốc phải trả là 95.000.000 đồng, tự nguyện yêu cầu bị

đơn trả lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện (30/5/2022) đến ngày xét xử vụ án (27/9/2022) đối với khoản vay từ thứ 4 đến thứ 11, tổng tiền gốc phải trả là 1.230.000.000 đồng. Sự tự nguyện này phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi bị đơn phải trả: 1.230.000.000 đồng x 0,833%/tháng (10%/năm) x 3 tháng 27 ngày = 39.959.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 1.325.000.000 đồng + 39.959.000 đồng = 1.364.959.000 đồng

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Tòa, bà Châu Thị Y tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chị H mượn trả góp là 530.000.000 đồng và tiền huê còn nợ là 130.000.000 đồng, tổng cộng 660.000.000 đồng. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn (theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bà Châu Thị Y không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.570.000 đồng; vợ chồng anh T, chị H phải chịu 52.948.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Y.

Buộc vợ chồng anh Trương Văn T và chị Trần Thị Mộng H phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Y số tiền 1.364.959.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.325.000.000 đồng, tiền lãi 39.959.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Châu Thị Y yêu cầu anh Trương Văn T và chị Trần Thị Mộng H trả số tiền trả góp và nợ huê là 660.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Y không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.570.000 đồng theo biên lai số 0004080 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. QN.

Trương Văn T và chị Trần Thị Mộng H phải chịu 52.948.000 đồng.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BD;
- VKSND Tp. QN;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ